

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT
Ngày 08-01-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn
Bà Nguyễn Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 20/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐ-PT ngày 20/11/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 09/2020/TB-TA ngày 01/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐ-PT ngày 18/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Thào Thị D (Tên khác là Thào Thị D1), sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: ông Mùa A P, sinh năm: 1958

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Mùa A L, sinh năm: 1987; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

+ Anh Mùa A D, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

+ Anh Mùa A S, sinh năm: 1995; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

+ Anh Mùa A T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

- *Người phiên dịch:* Sùng A C, sinh năm 2000

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- *Người kháng cáo:* Ông Mùa A P - Là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt bà Thảo Thị D, ông Mùa A P, bà Nguyễn Thị Thu H, anh Mùa A L, anh Sùng A C. Vắng mặt không lý do anh Mùa A D, anh Mùa A S, anh Mùa A T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Thảo Thị D trình bày:

Bà Thảo Thị D và ông Mùa A P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1979, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: sau khi ông P chấp hành xong án phạt tù trở về nhà thì thường xuyên đánh đập, chửi bới và đuổi bà D ra khỏi nhà khiến vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: ông bà có 05 con chung là: Mùa A S1, sinh năm 1986; Mùa A S2, sinh năm 1988; Mùa A D, sinh năm 1993; Mùa A S, sinh năm 1995; Mùa Thị D1, sinh năm 1997; đến nay các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: bà D có 01 người con riêng là Mùa Thị Ch. Ông Pênh có 04 người con riêng nhưng 01 người đã chết, hiện tại còn 03 người là: Mùa A T, Mùa A L, Mùa Thị D1. Vì các con riêng của ông P và bà D đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà gỗ ba gian, lợp ngói proximãng làm năm 1986 trị giá 15.000.000 đồng, bà D yêu cầu dỡ ngôi nhà và chia đôi mỗi người một nửa; 01 thửa đất ở dựng ngôi nhà gỗ đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá 20.000.000 đồng đề nghị chia đôi mỗi người sử dụng một nửa diện tích; 01 máy khâu đã cũ trị giá 400.000 đồng đề nghị chia cho bà D và bà D sẽ trả $\frac{1}{2}$ giá trị chênh lệch cho ông P; 06 thửa ruộng trồng lúa nước yêu cầu chia mỗi người 03 thửa; 05 thửa đất nương trồng ngô yêu cầu được chia 02 thửa. Ngày 04/02/2020 và ngày 01/6/2020, bà D gửi đơn

xin rút phần yêu cầu giải quyết về chia các thửa ruộng lúa nước và các thửa đất nương, không đề nghị Tòa án giải quyết nữa.

Tài sản chung của vợ chồng còn có 03 vòng cổ bằng bạc là do bố mẹ đẻ của bà cho nhưng hiện không còn vì 02 vòng cổ ông P đã bán, 01 vòng cổ đã cho con gái chung của ông bà là Mùa Thị D1.

Tài sản riêng: bà D được bố mẹ đẻ của bà cho 02 vòng tay bằng bạc trắng, hiện không còn vì 01 vòng tay đã cho con gái riêng Mùa Thị Ch lúc cháu đi lấy chồng năm 2019, còn 01 vòng tay thì bà D bán năm 2010 để đi thăm ông P đang chấp hành án phạt tù ở trại giam N.

Các tài sản chung và tài sản riêng là vòng cổ và vòng tay bằng bạc hiện không còn nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mùa A P trình bày:

Ông P và bà D sống chung với nhau từ năm 1979, không đăng ký kết hôn theo quy định mà chỉ làm đám cưới theo phong tục của người dân tộc. Tuy nhiên, ông không thừa nhận đánh bà D và cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là gì nên không nhất trí ly hôn.

Ông thống nhất với lời khai của bà D về quá trình chung sống cũng như vấn đề con chung và con riêng; ông P không đề nghị giải quyết về con chung, con riêng.

Về tài sản chung, ông P nhất trí với lời khai của bà D về 01 thửa đất thổ cư ở thôn T, huyện TC đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá 20.000.000 đồng; trên đất dựng 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp ngói proximãng làm năm 1986 trị giá 15.000.000 đồng; 01 máy khâu đã cũ trị giá 400.000 đồng; 02 vòng cổ bạc trắng bà D đang giữ và 06 thửa ruộng trồng lúa nước; 05 thửa đất nương trồng ngô.

Ông P khai: Tài sản riêng của ông có: 02 vòng tay bạc trắng và 02 viên đá quý (tài sản của bố mẹ ông P cho) hiện bà D đang giữ.

Ông P không đồng ý chia tài sản chung là nhà, đất cho bà D. Ông đề nghị bà D trả lại 02 vòng tay bạc trắng và 02 viên đá quý. Đối với 02 vòng cổ bạc trắng bà D đang giữ ông yêu cầu chia đôi mỗi người một chiếc còn chiếc máy khâu con bướm, ông có ý kiến để lại cho con chung Mùa A S.

Tại các Văn bản ý kiến, đơn xin giải quyết vắng mặt xét xử vắng mặt, biên bản lấy lời khai và tại phiên hòa giải ngày 04/6/2020, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Mùa A L, anh Mùa A S, anh Mùa A T đều có ý kiến: về tài sản chung của bà D, ông P do các anh đều không có công sức đóng góp tạo dựng nên không có yêu cầu gì. Việc bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến tài sản chung là các thửa đất ruộng và thửa đất nương, anh L, anh S, anh T đều nhất trí, không có ý kiến gì thêm.

Đối với ngôi nhà gỗ 03 gian lợp ngói proximãng và diện tích đất dựng nhà ngõ 03 gian đã được cấp GCN QSDĐ là tài sản chung của ông bà D - P, tuy

nhiên hiện gia đình anh Mùa A S và anh Mùa A S2 đang sinh sống cùng ông P nên anh Mùa A S, anh Mùa A T đều không đồng ý chia đôi nhà. Anh S, anh T đều đề nghị bà D trả lại cho ông P 01 vòng cổ bằng bạc, 02 vòng tay bằng bạc, 02 viên ngọc vì đây là tài sản riêng của ông bà các anh để lại cho bố các anh.

Ngày 17/3/2020, Tòa án huyện TC đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và xác định thực trạng tài sản và vẽ sơ đồ thực địa đất để có căn cứ giải quyết vụ án (BL 82 đến 97). Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất với nhau về hướng giải quyết các nội dung có tranh chấp.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 1 Điều 228, khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 59, 62 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 213, 219, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, điều 179, điều 203 luật đất đai 2013; Điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Thào Thị D ly hôn với ông Mùa A P.

2. Về chia tài sản chung:

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của nguyên đơn đối với các thửa đất ruộng và đất nương do nguyên đơn rút yêu cầu.

2.2. Đối với đất ở, nhà ở và 01 chiếc máy khâu:

- Chia cho nguyên đơn bà Thào Thị D:

+ $\frac{1}{2}$ diện tích đất ở thuộc thửa số 73, tờ bản đồ địa chính số 103 xã T, có diện tích 268,05m², tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông đi vào trường mầm non và trường tiểu học xã T có chiều dài 10,32m, phía Nam giáp thửa đất số 89 có chiều dài 7,21m, phía Đông giáp thửa đất chia cho bị đơn, phía Tây giáp thửa đất số 72 và thửa số 106.

Đường ranh giới chia thửa đất số 73 cho nguyên đơn và bị đơn là 01 đường ranh giới thẳng cắt từ điểm vị trí số 16 đến điểm vị trí số 8 trên trích lục bản đồ địa chính và sơ đồ thửa đất kèm theo bản án.

+ $\frac{1}{2}$ số cột gỗ, xà gỗ, ván thưng, ngói proximăng của ngôi nhà gỗ 03 gian.

+ 01 chiếc máy khâu hiệu con bướm đã cũ trị giá 400.000 đồng.

- Chia cho bị đơn ông Mùa A P:

+ $\frac{1}{2}$ diện tích đất ở thuộc thửa số 73, tờ bản đồ địa chính số 103 xã T, có diện tích 268,05m², tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông đi vào trường mầm non và trường tiểu học xã T có chiều dài 10,37m, phía Nam

giáp thửa đất số 89 và thửa số 90 có chiều dài 8,45m, phía Đông giáp thửa đất số 91, phía Tây giáp thửa đất chia cho nguyên đơn.

+ $\frac{1}{2}$ số cột gỗ, xà gỗ, ván thưng, ngói proximăng của ngôi nhà gỗ 03 gian.

+ Buộc nguyên đơn Thảo Thị D phải trả cho bị đơn Mùa A P 200.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản được chia.

Các bên có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở được chia.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án mà bên có nghĩa vụ không chi trả thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên nhận được đơn kháng cáo của ông Mùa A P, là bị đơn trong vụ án, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại.

Sau khi vụ án được Tòa án tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, bà D gửi đơn đề nghị được chia toàn bộ ngôi nhà gỗ 03 gian và diện tích đất theo ranh giới của ngôi nhà vì nếu tháo dỡ hoặc di dời ngôi nhà thì ngôi nhà sẽ hỏng, bà D sẽ có trách nhiệm trả tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà và tiền chênh lệch đối với diện tích đất cho ông P.

Tòa án nhân dân tỉnh đã gửi Văn bản đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa xem xét, đo vẽ lại hiện trạng sử dụng đất và xác định giá đất để có căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D khai không nhớ thời gian kết hôn, đến nay bà không còn tình cảm với ông P nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về tài sản chung của vợ chồng: bà D khai và công nhận, sau khi kết hôn thì vợ chồng ở tại nhà đất của bố mẹ ông P, đến năm 2007 thì đổi toàn bộ diện tích đất ở cho xã xây dựng trường mầm non, gia đình ông bà D - P chuyển sang diện tích đất bên cạnh trường mầm non. Hiện nay đất đã được cấp bìa đỏ mang tên bà D và ông P. Ngôi nhà gỗ 03 gian là do bà D và ông P tạo dựng từ năm 1988, sau khi đổi đất thì gia đình ông bà D P dỡ nhà xuống chỗ đất mới dựng lại và sinh sống ổn định từ năm 2007 đến nay. Ngôi nhà và diện tích đất ở hiện do ông P và gia đình của 02 con trai là Mùa A S và Mùa A S2 quản lý sử dụng. Bà D đề nghị chia đôi diện tích đất và được quản lý sử dụng toàn bộ ngôi nhà, bà D có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ trị giá ngôi nhà cho ông P. Đối với chiếc máy khâu con bướm đã cũ có trị giá là 400.000 đồng hiện do ông P quản lý, bà D xin được sử dụng máy khâu và trả $\frac{1}{2}$ trị giá chênh lệch cho ông P là 200.000 đồng.

Phía ông P khai: Ông ly hôn với vợ cũ vào năm 1985, sau đó thì kết hôn với bà D cũng trong năm 1985. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016, sau khi ông chấp hành án trở về thì bà D không ngủ chung với ông, không quan tâm đến ông. Năm 2018 thì bà D chuyển xuống ở nhà con trai Mùa A D, ông P

đã gọi bà D về nhưng bà D không đồng ý. Tổ hòa giải thôn bản và UBND xã đã hòa giải nhưng bà D không nhất trí, Tòa án huyện Tủa Chùa cũng hòa giải nhưng bà D vẫn đề nghị ly hôn, hiện tại bà D vẫn sống cùng gia đình con trai Mùa A D. Về nguồn gốc đất và nhà ông P thống nhất với lời khai của bà D, ông cũng công nhận hiện tại ông là người quản lý nhà, đất và 01 máy khâu con bướm là tài sản chung của vợ chồng. Cùng chung sống tại nhà đất với ông còn có vợ chồng 02 con trai là Mùa A S2 (T) và Mùa A S (M) và 03 cháu nội vì các con cháu ông hiện kinh tế khó khăn, không có khả năng tạo dựng nơi ở mới. Quan điểm của ông P là không nhất trí ly hôn và không đồng ý chia tài sản cho bà D.

Bên cạnh đó, ông P còn đề nghị Tòa án xem xét buộc bà D phải trả lại cho ông P 02 vòng tay bạc trắng và 02 viên đá quý (tài sản của bố mẹ ông P cho) và 02 vòng cổ bạc trắng là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, bà D không đồng ý với lời khai của ông P, bà D không công nhận ông P có tài sản riêng là 02 vòng tay bạc trắng và 02 viên đá quý.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, ông P thay đổi nội dung kháng cáo: ông đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc cho ông được quản lý, sử dụng toàn bộ ngôi nhà gỗ 03 gian lợp proximăng và phần diện tích đất có nhà theo hiện trạng sử dụng là 314,81 m²; ông P đồng ý chia cho bà D 221,29 m² đất và đồng ý trả cho bà D số tiền 15.000.000 đồng (bằng 100% trị giá của ngôi nhà), đồng ý giao 01 máy khâu con bướm cho bà D sử dụng và nhận ½ trị giá của 01 máy khâu với số tiền 200.000 đồng. Ý kiến của bà D đồng ý nhận diện tích đất 221,29 m² và chiếc máy khâu, bà D trả 200.000 đồng cho ông P. Tuy nhiên bà D đề nghị dỡ ngôi nhà để chia đôi vật liệu theo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa, thẩm phán chủ tọa phiên tòa, hội đồng xét xử, thư ký tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS năm 2015, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm:

- Giao cho ông P quản lý và sử dụng một ngôi nhà gỗ ba gian, hai trái, lợp ngói proximăng, nền đất, thưng ván gỗ tạp trên diện tích đất ở là 314,81m², thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ địa chính số 103 xã T, địa chỉ thửa đất tại Thôn T1, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên, Theo sơ đồ đất ở và nhà ở của hộ gia đình ông Mùa A P và bà Thào Thị D: Diện tích đất ông P được quyền quản lý và sử dụng được tính từ các mốc 9-8-5-4-3-2-1-18-17, phía Bắc giáp đường bê tông, phía Nam giáp đất ông Mùa A C, phía Đông giáp Trường mầm non T, phía Tây giáp đất bà D.

+ Ông P có trách nhiệm thanh toán cho bà D trị giá của ngôi nhà với số tiền là 15.000.000 đồng.

- Giao cho bà D quản lý và sử dụng 221,29m² đất, thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ địa chính số 103 xã T, địa chỉ thửa đất tại Thôn T1, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên. Theo sơ đồ đất và nhà ở của hộ gia đình ông Mùa A P và bà Thào Thị D, diện tích đất ông P được quyền quản lý và sử dụng, tính từ các mốc 9-10-12-14-15-16-17, phía Bắc giáp đường bê tông, phía Nam giáp đất ông Mùa A G, phía Đông giáp đất ông P, phía Tây giáp đất ông Mùa A G.

- Giao cho bà D quản lý, sử dụng 01 máy khâu có giá trị 400.000 đồng và bà D phải trả cho ông P số tiền 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà D, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “*Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*” và áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 để thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn kháng cáo quá hạn của ông Mùa A P đã được chấp nhận theo Quyết định chấp nhận việc kháng cáo số 03/2020/QĐ-PT ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, đủ điều kiện để được thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Mùa A P:

2.1. Ông P không nhất trí ly hôn với bà Thào Thị D:

Quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, bà D và ông P đều khai: Hai người tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1979, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2016 thì bà D và ông P phát sinh mâu thuẫn, năm 2017 thì sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Hiện nay, bà D đang sống cùng với gia đình con trai là Mùa A D, còn ông P sống cùng vợ chồng con trai Mùa A S và Mùa A S2 tại nhà, đất là tài sản chung của bà D và ông P.

Do xác định tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì cũng không hạnh phúc nên bà D đã làm đơn ly hôn. Mặc dù ông bà không có đăng ký kết hôn nhưng theo quy định của Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì được pháp luật công nhận là hôn nhân thực tế. Qua nhiều lần hòa giải tại thôn bản, tại UBND xã và TAND cấp sơ thẩm nhưng bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D không đồng ý quay về đoàn tụ với ông P. Như vậy, có đủ căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa bà D và

ông P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D có nguyện vọng được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, nội dung kháng cáo của ông P về việc không đồng ý ly hôn không có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Về chia tài sản chung:

Xét thấy, bà D và ông P đều khai thống nhất về nguồn gốc diện tích đất (đã được cấp GCNQSDĐ) tại Thôn T1, xã T, huyện TC là diện tích đất do bố mẹ của ông P khai hoang, sau khi bố mẹ ông P chết thì do ông bà D - P quản lý sử dụng và đổi cho xã khi xây dựng trường mầm non. Hai người thống nhất ngôi nhà gỗ ba gian hai trái được làm trên đất vào năm 1988 - 1989 và là tài sản chung của vợ chồng, các con riêng, con chung không đóng góp gì khi làm nhà. Hai người thống nhất trị giá ngôi nhà là 15.000.000 đồng, thống nhất giá đất theo Hội đồng định giá là 150.000đ/m² và 01 máy khâu con bướm có trị giá là 400.000 đồng. Ông P là người đang quản lý nhà, đất và máy khâu.

Vì bà D và ông P không còn diện tích đất ở nào khác nên bà D yêu cầu chia diện tích 536,1m², tại Thôn T, xã T, huyện TC, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00614 ngày 09/12/2016 do UBND huyện Tòa Chùa cấp cho ông Mùa A P và bà Thào Thị D là có căn cứ cần được chấp nhận.

Xét thấy ngôi nhà gỗ ba gian, hai trái, mái lợp ngói proximãng, nền đất, thưng ván gỗ tạp được ông bà D - P xây dựng khoảng năm 1988-1989 (hiện nay ba gian ở, một trái được sử dụng làm quán, một trái sử dụng làm bếp), nhà được làm trên diện tích đất 314,81 m². Tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì ngôi nhà đã được sử dụng hơn 30 năm, ông P và bà D đều khai đã có một số cột, xà ngang và ván thưng bị mối mọt, nếu dỡ ngôi nhà chia vật liệu thì sẽ không còn giá trị sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chia đôi thửa đất và dỡ ngôi nhà chia đôi vật liệu ngôi nhà cho ông P và bà D là không đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P thay đổi nội dung kháng cáo, ông P đề nghị được chia 314,81 m² đất, được quản lý, sử dụng toàn bộ ngôi nhà, ông P có trách nhiệm thanh toán cho bà D trị giá ngôi nhà với số tiền 15.000.000 đồng; Bà D được chia 01 máy khâu con bướm, diện tích đất là 221,29 m² và số tiền 15.000.000 đồng.

Xét về nguồn gốc đất và quá trình tạo dựng, hiện trạng sử dụng ngôi nhà thấy rằng nguyện vọng của ông P được quản lý, sử dụng 314,81 m² đất thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ địa chính số 103 xã T, địa chỉ thửa đất tại Thôn T1, xã T, huyện TC (nay là thôn T) cùng toàn bộ ngôi nhà gỗ ba gian để ông P và gia đình các con Mùa A S, Mùa A S2 ổn định chỗ ở là có căn cứ.

Bà D đồng ý nhận 221,29 m² đất theo ý kiến của ông P và đề nghị dỡ nhà để chia đôi vật liệu mỗi người một nửa. Xét ý kiến của bà D về việc dỡ nhà là không thể thực hiện, vì ngôi nhà hiện đã cũ, một số cột, xà ngang và ván thưng bị mối mọt, nếu dỡ ngôi nhà chia vật liệu thì sẽ không bảo toàn giá trị sử dụng.

Việc ông P tự nguyện trả cho bà D 15.000.000đ giá trị ngôi nhà là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 59/Luật HNGĐ và vẫn đảm bảo quyền lợi cho bà D. Vì vậy nội dung kháng cáo về phân chia nhà đất của ông P HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

Đối với 01 chiếc máy khâu con bướm trị giá 400.000 đồng, ông P đồng ý giao cho bà D quản lý, sử dụng và bà D có trách nhiệm thanh toán cho ông P ½ trị giá với số tiền là 200.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

Ông Mùa A P và bà Thảo Thị D có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P còn có yêu cầu Toà án tỉnh giải quyết đối với số hai chiếc vòng tay bằng bạc và hai viên ngọc sau đó ông không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này. Xét thấy trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông không có đơn yêu cầu phản tố nên Toà án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết, do đó không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 BLTTDS nên HĐXX phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm đối với việc phân chia nhà đất.

[3] Án phí dân sự: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm c Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 29, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xét thấy các đương sự sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và yêu cầu kháng cáo của ông P được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nên ông P và bà D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, đồng thời ông P cũng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 , khoản 3 Điều 157, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 , khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 59, 62, 131 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 213, 219, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Mùa A P: Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 02/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên, cụ thể:

1.1. Bà Thào Thị D (Thào Thị D1) được ly hôn với ông Mùa A P.

1.2. Xử chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

- Ông Mùa A P được quyền quản lý và sử dụng 01 nhà gỗ 03 gian lợp proximãng và diện tích đất ở là 314,81 m², thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ địa chính số 103 xã T, địa chỉ thửa đất tại Thôn T1 (nay là thôn T), xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên theo sơ đồ đất ở và nhà ở của hộ gia đình ông Mùa A P và bà Thào Thị D: Diện tích đất của ông Mùa A P được tính từ các mốc 1-2-3-4-5-8-9-17-18. Đất có vị trí tiếp giáp như sau: phía Bắc giáp đường bê tông, phía Nam giáp đất ông Mùa A C, phía Đông giáp Trường mầm non T; phía Tây giáp đất bà D (*Có sơ đồ kèm theo*).

- Bà Thào Thị D được quyền quản lý và sử dụng 221,29 m² đất, thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ địa chính số 103 xã T, địa chỉ thửa đất tại Thôn T1, xã T, huyện TC, tỉnh Điện Biên. Theo sơ đồ đất và nhà ở của hộ gia đình ông Mùa A P và bà Thào Thị D: Diện tích đất của bà Thào Thị D được tính từ các mốc 9-10-12-14-15-16-17. Đất có vị trí tiếp giáp như sau: phía Bắc giáp đường bê tông, phía Nam giáp đất ông Mùa A G, phía Đông giáp đất của ông P, phía Tây giáp đất ông Mùa A G (*Có sơ đồ kèm theo*).

- Bà D được quản lý, sử dụng 01 máy khâu con bướm, trị giá 400.000 đồng (hiện ông P đang quản lý). Bà D có trách nhiệm thanh toán ½ trị giá cho ông P với số tiền là 200.000 đồng.

- Ông P có trách nhiệm thanh toán cho bà D trị giá của ngôi nhà gỗ ba gian lợp proximãng với số tiền là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bà D và ông P.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/01/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Tủa Chùa;
- Chi cục THADS huyện Tủa Chùa;
- Các đương sự;
- Bà Nguyễn Thị Thu H;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Thu Hằng